

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Lơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 618/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh H; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24/6/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hòa giải được. Bà và ông K đã không sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn và không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2002 và Trần Thị Thanh L, sinh ngày 26/7/2003. Hiện tại 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trần Văn K để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông K không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 35, Điều 48, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân. Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về con chung, bà L và ông K có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2002 và Trần Thị Thanh L, sinh ngày 26/7/2003. Hiện tại 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Trần Văn K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh H trên tinh thần tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24/6/2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, quá trình vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2021. Nay bà L khẳng định bà không còn tình cảm với ông K nữa nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông K. Ông K đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để Tòa lấy lời khai, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông K vẫn vắng mặt. Xét thấy, bà L đã không còn tình cảm với ông K, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2002 và Trần Thị Thanh L, sinh ngày 26/7/2003. Hiện tại 02 con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn K.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2002 và Trần Thị Thanh L, sinh ngày 26/7/2003. Hiện tại 02 con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005145 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Thân;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Nguyệt